|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BÀN  **TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN** | | | | | | **KHUNG MA TRẬN**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | **Chương/**  **chủ đề** | | | **Nội dung/đơn vị kiến thức** | | **Mức độ nhận thức** | | | | | | | **Tổng**  **% điểm** | |
| **Nhận biết (TNKQ)** | | **Thông hiểu**  **(TL)** | **Vận dụng**  **(TL)** | | | **Vận dụng cao**  **(TL)** |
| **Phân môn Địa lý** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | | | | **Châu Âu** | | 1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu | | 2\* |  | | |  |  | |  | |
| 2. Đặc điểm tự nhiên | | 3\* |  | | |  |  | |  | |
| 3. Đặc điểm dân cư, xã hội | | 2 |  | | |  |  | | 5% | |
| 4. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên | | 1\* |  | | |  |  | |  | |
| 5. Khái quát về Liên minh châu Âu (EU) | |  |  | | |  |  | |  | |
| 2 | | | | **Châu Á** | | 1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Á | | 2 |  | | |  |  | | 5% | |
| 2. Đặc điểm tự nhiên châu Á | | 2\* | 1 | | |  |  | | 15% | |
| 3. Đặc điểm dân cư, xã hội châu Á | | 4 |  | | |  |  | | 10% | |
| 4. Bản đồ chính trị châu Á, các khu vực châu Á | | 3\* |  | | | 1/2 | 1/2 | | 15% | |
| 5. Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | |  |  | | |  | 1\* | |  | |
| Tổng | | | | | | | | 8 | 1 | | | 1/2 | 1/2 | | 10 | |
| Tỉ lệ | | | | | | | | *20%* | *15%* | | | *10%* | *5%* | | *50%* | |
| **Tỉ lệ chung** | | | | | | | | **40%** | **30%** | | | **20%** | **10%** | | **100%** | |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **1** | | | **TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | | | 1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu | | | 1\* | |  |  | | |  | 2,5% |
| 2. Các cuộc phát kiến địa lí | | |  | |  |  | | |  |  |
| 3. Văn hoá Phục hưng | | | 1 | |  |  | | |  |  |
| 4. Cải cách tôn giáo | | | 1 | |  |  | | |  |  |
| 5. Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại | | |  | |  |  | | |  |  |
| **2** | | | **TRUNG QUỐC TỪ THẾ KỈ VII ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX** | | | 1. Khái lược tiến trình lịch sử của Trung Quốc từ thế kỉ VII | | |  | |  |  | | |  |  |
| 2. Thành tựu chính trị, kinh tế, văn hóa của Trung Quốc từ thế kỉ VII đến giữa thế kỉ XIX | | | 1 | |  |  | | |  |  |
| **3** | | | **ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX** | | | 1. Vương triều Gupta  2. Vương triều Hồi giáo Delhi  3. Đế quốc Mogul | | | 2  1\* | |  |  | | |  | 2,5% |
| **4** | | | **ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | | | 1. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI | | |  | |  |  | | |  |  |
| 2. Vương quốc Campuchia | | | 1 | |  |  | | |  |  |
| 3. Vương quốc Lào | | | 1 | |  |  | | |  |  |
| **5** | | | **VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI** | | | 1. Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô – Đinh – Tiền Lê | | | 4\* | | 1 |  | | |  | 10% |
| 2. Việt Nam từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIII: Thời Lý | | | 2\* | | 2  1\* | ½\* | | | ½\* | 35% |
|  | | | **Số câu** | | |  | | | 8 | | 1 | 1/2 | | | 1/2 |  |
| ***Tỉ lệ*** | | | | | | | | | ***20%*** | | ***15%*** | ***10%*** | | | ***5%*** | ***50%*** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BÀN  **TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN** | | | | | | **BẢNG ĐẶC TẢ**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Chương/**  **Chủ đề** | | **Nội dung/Đơn vị kiến thức** | | **Mức độ đánh giá** | | | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | |
| ***Nhận biết*** | | ***Thông hiểu*** | | | ***Vận dụng*** | | ***Vận dụng cao*** | |
| **Phân môn Địa lý** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | CHÂU ÂU | 1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Âu  2. Đặc điểm tự nhiên  3. Đặc điểm dân cư, xã hội  4. Phương thức con người khai thác, sử dụng và bảo vệ thiên nhiên  5. Khái quát về Liên minh châu Âu (EU) | | **Nhận biết**  - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Âu.  - Xác định được trên bản đồ các sông lớn Rhein (Rainơ), Danube (Đanuyp), Volga (Vonga).  - Trình bày được đặc điểm các đới thiên nhiên: đới nóng; đới lạnh; đới ôn hòa.  – Trình bày được đặc điểm của cơ cấu dân cư, di cư và đô thị hoá ở châu Âu. | | | 6\*  2 | |  | | |  | | | |  | |
| 2 | CHÂU Á | 1. Vị trí địa lí, phạm vi châu Á  2. Đặc điểm tự nhiên  3. Đặc điểm dân cư, xã hội  4. Bản đồ chính trị châu Á; các khu vực của châu Á  5. Các nền kinh tế lớn và kinh tế mới nổi ở châu Á | | **Nhận biết**  - Trình bày được đặc điểm vị trí địa lí, hình dạng và kích thước châu Á.  - Trình bày được một trong những đặc điểm thiên nhiên châu Á: Địa hình; khí hậu; sinh vật; nước; khoáng sản.  - Trình bày được đặc điểm dân cư, tôn giáo; sự phân bố dân cư và các đô thị lớn.  - Xác định được trên bản đồ các khu vực địa hình và các khoáng sản chính ở châu Á.  - Xác định được trên bản đồ chính trị các khu vực của châu Á.  - Trình bày được đặc điểm tự nhiên (địa hình, khí hậu, sinh vật) của một trong các khu vực ở châu Á  **Thông hiểu**  - Trình bày được ý nghĩa của đặc điểm thiên nhiên đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên.  **Vận dụng**  - Tính mật độ dân số ở châu Á  **Vận dụng cao**  - Nhận xét về mật độ dân số ở châu Á  - Biết cách sưu tầm tư liệu và trình bày về một trong các nền kinh tế lớn và nền kinh tế mới nổi của châu Á (ví dụ: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore). | | | 6  5\* | | 1 | | | ½ | | | | ½  1\* | |
| Số câu/ loại câu | | | | | |  | | | 8 câu | | 1 câu | | | 1/2 câu | | 1/2 câu | |
| **Tỉ lệ %** | | | | | |  | | | **20%** | | **15%** | | | **10%** | | **5%** | |
| **Tổng** | | | | | |  | | | **40%** | | **30%** | | | **20%** | | **10%** | |
| **Phân môn Lịch sử** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| 1 | **TÂY ÂU TỪ THẾ KỈ V ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | 1. Quá trình hình thành và phát triển chế độ phong kiến ở Tây Âu  2. Các cuộc phát kiến địa lí  3. Văn hoá Phục hưng  4. Cải cách tôn giáo  5. Sự hình thành quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu trung đại | **Nhận biết**  - Kể lại được những sự kiện chủ yếu về quá trình hình thành xã hội phong kiến ở Tây Âu  - Trình bày được những thành tựu tiêu biểu của phong trào văn hoá Phục hưng  - Nêu được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo  **Thông hiểu**  - Trình bày được đặc điểm của lãnh địa phong kiến và quan hệ xã hội của chế độ phong kiến Tây Âu.  - Mô tả được sơ lược sự ra đời của Thiên Chúa giáo  - Nêu được hệ quả của các cuộc phát kiến địa lí  - Giới thiệu được sự biến đổi quan trọng về kinh tế – xã hội của Tây Âu từ thế kỉ XIII đến thế kỉ XVI.  - Mô tả khái quát được nội dung cơ bản của các cuộc cải cách tôn giáo  - Giải thích được nguyên nhân của phong trào cải cách tôn giáo  - Nêu được tác động của cải cách tôn giáo đối với xã hội Tây Âu.  - Xác định được những biến đổi chính trong xã hội và sự nảy sinh phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở Tây Âu  **Vận dụng**  - Phân tích được vai trò của thành thị trung đại.  - Sử dụng lược đồ hoặc bản đồ, giới thiệu được những nét chính về hành trình của một số cuộc phát kiến địa lí lớn trên thế giới.  - Nhận xét được ý nghĩa và tác động của phong trào văn hoá Phục hưng đối với xã hội Tây Âu.  **Vận dụng cao**  - Liên hệ được tác động của các cuộc phát kiến địa lý đến ngày nay. | | | | | 1\*  1  1 | |  | | |  | |  | |
| 3 | **ẤN ĐỘ TỪ THẾ KỈ IV ĐẾN GIỮA THẾ KỈ XIX** | 1. Vương triều Gupta  2. Vương triều Hồi giáo Delhi  3. Đế quốc Mogul | **Nhận biết**  - Nêu được những nét chính về điều kiện tự nhiên của Ấn Độ  - Trình bày khái quát được sự ra đời và tình hình chính trị, kinh tế, xã hội của Ấn Độ dưới thời các vương triều Gupta, Delhi và đế quốc Mogul.  **Thông hiểu**  **-** Giới thiệu được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX  **Vận dụng**  - Nhận xét được một số thành tựu tiêu biểu về văn hoá của Ấn Độ từ thế kỉ IV đến giữa thế kỉ XIX | | | | | 1  1\* | |  | | |  | |  | |
| 4 | **ĐÔNG NAM Á TỪ NỬA SAU THẾ KỈ X ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỈ XVI** | 1. Khái quát về Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI  2. Vương quốc Campuchia  3. Vương quốc Lào | **Nhận biết**  - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Campuchia.  - Nêu được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.  - Nêu được một số nét tiêu biểu về văn hoá của Vương quốc Lào.  - Nêu được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang.  **Thông hiểu**  - Mô tả được quá trình hình thành, phát triển của các quốc gia Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Giới thiệu được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Campuchia.  - Mô tả được quá trình hình thành và phát triển của Vương quốc Lào.  **Vận dụng**  - Nhận xét được những thành tựu văn hoá tiêu biểu của Đông Nam Á từ nửa sau thế kỉ X đến nửa đầu thế kỉ XVI.  - Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Campuchia thời Angkor.  - Đánh giá được sự phát triển của Vương quốc Lào thời Lan Xang. | | | | | 1  1  1  1 | |  | | |  | |  | |
| 5 | **VIỆT NAM TỪ ĐẦU THẾ KỈ X ĐẾN ĐẦU THẾ KỈ XVI** | 1. Việt Nam từ năm 938 đến năm 1009: thời Ngô – Đinh – Tiền Lê  2. Việt Nam từ thế kỉ XI đến đầu thế kỉ XIII: thời Lý | **Nhận biết**  - Nêu được những nét chính về thời Ngô  - Trình bày được công cuộc thống nhất đất nước của Đinh Bộ Lĩnh và sự thành lập nhà Đinh  - Nêu được đời sống xã hội, văn hoá thời Ngô – Đinh – Tiền Lê  - Trình bày được sự thành lập nhà Lý.  **Thông hiểu**  - Giới thiệu được nét chính về tổ chức chính quyền thời Ngô – Đinh – Tiền Lê.  - Mô tả được những nét chính về chính trị, kinh tế, xã hội, văn hóa, tôn giáo thời Lý.  - Giới thiệu được những thành tựu tiêu biểu về văn hoá, giáo dục thời Lý.  **Vận dụng**  - Đánh giá, nhận xét được sự kiện dời đô ra Đại La của Lý Công Uẩn. | | | | | 1\*  1\*  2\*  2\* | | 1  1  1\* | | | 1\* | | 1\* | |
| Số câu/ loại câu | | |  | | | | | 8 câu | | 1 câu | | | 1/2 câu | | 1/2 câu | |
| ***Tỉ lệ %*** | | |  | | | | | **20%** | | **15%** | | | **10%** | | **5%** | |

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BÀN  **TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN** | **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7**  **Thời gian: 90 phút** (không kể giao đề) |

**I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ *(5,0 điểm***)

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN**: ***(2,0 điểm***) Chọn câu trả lời đúng nhất rồi ghi vào giấy bài làm

**Câu 1.** Giai cấp nông nô được hình thành từ những thành phần nào trong xã hội Tây Âu?

A. Chủ nô và nô lệ. B. Nông dân tự do và nô lệ.

C. Tù binh chiến tranh và nô lệ. D. Tù binh chiến tranh và nông dân.

**Câu 2.** Ấn Độ được thống nhất vào thời gian nào?

A. 2 500 năm TCN. B. 1 500 năm TCN.

C. Cuối thế kỉ III TCN. D. Đầu thế kỉ IV.

**Câu 3.** Sau khi xưng vương, Ngô Quyền quyết định đóng đô ở

A. Hoa Lư. B. Cổ Loa. C. Đại La. D. Phú Xuân.

**Câu 4.** Đinh Bộ Lĩnh lập căn cứ của mình để dẹp loạn 12 sứ quân ở

A. Hoa Lư. B. Phong Châu. C. Tiên Lãng. D. Tiên Du.

**Câu 5.** Trong xã hội thời Đinh-Tiền Lê, tầng lớp nào có địa vị thấp kém nhất trong xã hội?

A. Nông dân B. Công nhân. C. Thợ thủ công. D. Nô tì.

**Câu 6.** Trong xã hội thời Đinh-Tiền Lê, tầng lớp nào có số lượng đông đảo nhất, cày cấy ruộng đất công làng xã?

A. Công nhân. B. Nông dân. C. Thợ thủ công. D. Nô tì.

**Câu 7.** Năm 1042, dưới thời Lý bộ luật nào được ban hành?

A. Hình thư. B. Quốc triều hình luật. C. Hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

**Câu 8.** Nhà Lý lập nơi trao đổi, buôn bán với thương nhân nước ngoài ở nhiều nơi, trong đó có

A. kinh thành Thăng Long. B. cảng biển Vân Đồn. C. Phố Hiến. D. Thanh Hà.

**B. TỰ LUẬN**: ***(3,0 điểm***)

**Câu 1**. *(1,5 điểm*) Trình bày những thành tựu tiêu biểu về Văn học, nghệ thuật và giáo dục thời Lý.

**Câu 2**. *(1,5 điểm*) Đánh giá sự kiện dời đô từ Hoa Lư về thành Đại La (Hà Nội ngày nay) của Lý Công Uẩn vào năm 1010?

**II. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ *(5,0 điểm***)

**A. TRẮC NGHIỆM:** *(2,0 điểm)* *Chọn câu trả lời đúng và ghi vào giấy bài làm.*

**Câu 1.**Châu Á tiếp giáp với

A. hai châu lục và hai đại dương. B. ba châu lục và hai đại dương.

**C. hai châu lục và ba đại dương.** D. ba châu lục và ba đại dương.

**Câu 2.**Theo chiều Bắc – Nam, châu Á kéo dài từ trên vòng cực Bắc xuống phía Nam Xích đạo, khoảng

A. 7500 km.  B. 8000 km. **C. 8500 km.**  D. 9000 km.

**Câu 3.**Cư dân châu Á thuộc các chủng tộc:

A. Môn-gô-lô-it, Ơ-rô-pê-ô-it, Nê-grô-it.

B. Môn-gô-lô-it, Ơ-rô-pê-ô-it, Ô-xtra-lô-it, Nê-grô-it.

C. Ơ-rô-pê-ô-it, Nê-grô-it, Ô-xtra-lô-it.

**D. Môn-gô-lô-it, Ơ-rô-pê-ô-it, Ô-xtra-lô-it.**

**Câu 4.** Dân cư châu Á thường tập trung đông ở đâu?

**A. Khu vực Nam Á, Đông Nam Á và phía đông của Đông Á.**

B. Khu vực Nam Á, Đông Nam Á và Trung Á.

C. Phía đông của Đông Á, Khu vực Trung Á và Nam Á.

D. Khu vực Đông Nam Á, Trung Á và Bắc Á.

**Câu 5.** Trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nước châu Á

A. chủ yếu là các nước đang phát triển.  B. chủ yếu là công nghiệp hiện đại.

C. có trình độ phát triển rất khác nhau. D. chủ yếu là các nước phát triển.

**Câu 6.**Khu vực núi, cao nguyên và sơn nguyên chiếm

A. 1/2 diện tích châu Á. B. 3/4 diện tích châu Á.

C. 1/4 diện tích châu Á.  D. toàn bộ diện tích châu Á.

**Câu 7.** Châu Âu tiếp giáp với các biển và đại dương nào?

A. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Thái Bình Dương.

B. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Địa Trung Hải.

C. Bắc Băng Dương, Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương.

D. Đại Tây Dương, Ấn Độ Dương, Thái Bình Dương.

**Câu 8.** Dân cư châu Âu đứng thứ mấy thế giới?

A. Nhất. B. Nhì (sau châu Á).

C. Ba (sau châu Á, châu Phi). D. Tư (sau châu Á, châu Phi và châu Mỹ).

**B. PHẦN TỰ LUẬN** *(3,0 điểm)*

**Câu 1** *(1,5 điểm).* Đặc điểm địa hình và sông hồ có ý nghĩa gì đối với việc sử dụng và bảo vệ tự nhiên ở các nước châu Á?

**Câu 2** *(1,5 điểm).* Cho bảng số liệu

Dân số và diện tích một số khu vực châu Á năm 2022 (tính đến tháng 3 năm 2022)

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Khu vực** | **Nam Á** | **Tây Á** | **Trung Á** | **Đông Nam Á** |
| Dân số (nghìn người) | 1977655 | 287095 | 76171 | 679647 |
| Diện tích (nghìn km²) | 6399 | 4802 | 3925 | 4340 |

Dựa vào bảng số liệu hãy:

a. Tính mật độ dân số các khu vực của châu Á.

b. Nhận xét sự phân bố dân cư các khu vực ở châu Á.

**------------ Hết ------------**

|  |  |
| --- | --- |
| PHÒNG GD&ĐT ĐIỆN BÀN  **TRƯỜNG THCS TRẦN CAO VÂN** | **HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM**  **ĐỀ KIỂM TRA CUỐI KỲ I NĂM HỌC 2023 - 2024**  **MÔN LỊCH SỬ VÀ ĐỊA LÝ - LỚP 7** |

**I. PHÂN MÔN LỊCH SỬ *(5,0 điểm***)

**A. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN** ***(2,0 điểm***)

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **ĐA** | B | D | B | A | D | B | A | B |

**B. TỰ LUẬN *(3,0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung** | **Điểm** |
| **1**  (1,5 điểm) | **Những thành tựu tiêu biểu về Văn học, nghệ thuật và giáo dục thời Lý.**  - Văn học, nghệ thuật:  + Văn học chữ Hán bước đầu phát triển, một số tác phẩm văn học có giá trị: Chiếu dời đô, Nam quốc sơn hà,...  + Hát chèo, múa rối, các trò chơi dân gian đều phát triển.  + Kiến trúc: một số công trình có quy mô tương đối lớn được xây dựng (Cấm thành, chùa Một Cột,...), trình độ điêu khắc tinh vi, thanh thoát.  - Giáo dục:  + Năm 1070: xây dựng Văn Miếu.  + Năm 1075: mở khoa thi đầu tiên.  + Năm 1076: Quốc Tử Giám được thành lập. | 0,75đ  *0,25*  *0,25*  *0,25*  0,75đ  *0,25*  *0,25*  *0,25* |
| **2**  (1,5 điểm) | **Đánh giá**  - Đây là quyết định sáng suốt của Lý Công Uẩn, đã chuyển vị thế đất nước từ phòng thủ sang thế phát triển lâu dài.  - Đặt nền móng cho việc xây dựng kinh đô Thăng Long trở thành đô thị phát triển thịnh vượng, là trung tâm của đất nước về sau, mở ra bước ngoặt mới cho sự phát triển của dân tộc.  - Đánh dấu bước phát triển mới trong lịch sử dân tộc  - Tạo cơ sở cho sự phát triển mới của kinh đô Thăng Long.  *(Tuỳ vào câu trả lời của học sinh nhưng đảm bảo yêu cầu, giáo viên ghi điểm hợp lý cho học sinh)HSKTTT KHÔNG LÀM CÂU 2* | 0,5  0,5  0,25  0,25 |

**II. PHÂN MÔN ĐỊA LÝ *(5,0 điểm***)

**A. TRẮC NGHIỆM:** *(2,0 điểm)* Mỗi câu đúng đạt 0,25 điểm.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Câu** | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| **ĐA** | C | C | D | A | A | B | B | D |

**B. TỰ LUẬN: *(3.0 điểm)***

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Câu** | **Nội dung cần đạt** | **Điểm** |
| **1**  (1,5đ) | **Ý nghĩa của địa hình**  - Địa hình núi cao và hiểm trở chiếm tỉ lệ diện tích lớn nên gây khó khăn cho giao thông vận tải, sản xuất và đời sống. Các khu vực cao nguyên, đồng bằng rộng lớn thuận lợi cho sản xuất và định cư.  - Các biển và đại dương bao quanh châu Á/ ảnh hưởng rất lớn đối với điều kiện tự nhiên và sự phát triển kinh tế xã hội/ của các quốc gia hải đảo và ven bờ.  - Địa hình bị cắt xẻ mạnh nên quá trình khai thác và sử dụng phải chú ý đến vấn đề xói mòn, sạc lỡ đất…  **Ý nghĩa của sông hồ**  - Các con sông ở châu Á có vai trò rất quan trọng, là cái nôi hình thành một số nền văn minh như Hoàng Hà, Ấn – Hằng,…  + Ngày nay, sông ngòi châu Á có vai trò vô cùng quan trọng trong giao thông, thuỷ điện, cung cấp nước cho sản xuất, sinh hoạt, du lịch, đánh bắt và nuôi trồng thuỷ sản.(HSKT :Vai trò quan trọng trong sản xuất và đời sống )  + Vì vậy, vấn đề bảo vệ môi trường nước và xây dựng những công trình thủy lợi là thách thức mỗi quốc gia phải đối mặt.HSKT chỉ yêu cầu nêu được : Cần chú ý thủy lợi và bảo vệ môi trường nước ) | 0,25  0,25  0,25  0,25  0,25  0,25 |
| **2**  (1,5đ) | **a. Tính mật độ dân số các khu vực châu Á (Đơn vị: người/km²)**  *Tính đúng mỗi khu vực được 0,25đ*   |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | | **Khu vực** | **Nam Á** | **Tây Á** | **Trung Á** | **Đông Nam Á** | | Mật độ dân số (người/km²) | 309 | 60 | 19 | 157 | | 1,0 |
|  | **b. Nhận xét**  Dân cư châu Á phân bố không đều  + Khu vực có mật độ dân số cao: Nam Á, Đông Nam Á, Đông Á.  + Khu vực có dân số thấp: Trung Á, Tây Á.Câu 2 –HSKT KHÔNG LÀM | 0,25  0,25 |